

Bản án số: 305/2026/HS-ST

Ngày: 7/8/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh Nhân

Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Xuân Quý và bà Vũ Thị Ngọc Phan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Anh - Kiểm sát viên

Ngày 7 tháng 8 năm 2026, tại Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 265/2026/TLST - HS ngày 12 tháng 6 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 281/2026/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2026, đối với bị cáo:

1. Họ tên: **Nguyễn Tuấn A**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 01 tháng 7 năm 2007, tại: Thái Nguyên (Tại thời điểm phạm tội được 17 tuổi 8 tháng 16 ngày). Nơi cư trú: **Xóm C (nay là xóm T), xã T, tỉnh Thái Nguyên**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1973; Con bà: **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1971; Gia đình có 02 chị, em, bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: Chưa có.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương.

2. Họ tên: **Vũ Trọng L**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 11 tháng 8 năm 2009, tại: Thái Nguyên (Tại thời điểm phạm tội được 15 tuổi 7 tháng 6 ngày); Nơi cư trú: **Xóm C (nay là xóm P), xã T, tỉnh Thái Nguyên**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Học sinh; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: **Vũ Trọng D**, sinh năm 1979; Con bà: **Đinh Thị Tuyết H1**, sinh năm 1982; Gia đình có 03 anh, em, bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: Chưa có.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương.

3. Họ tên: **Hoàng Trường G**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 11 tháng 11 năm 2008, tại: Thái Nguyên (Tại thời điểm phạm tội được 16 tuổi 4 tháng 6 ngày); Nơi cư trú: **Xóm H, xã T, tỉnh Thái Nguyên**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: 10/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: **Hoàng Văn T1**, sinh năm 1981; Con bà: **Ngô Thị X**, sinh năm 1983; Gia đình có 03 chị, em, bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: Chưa có.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: 03.

+ Ngày 25/11/2023 bị **Công an T10**, tỉnh Thái Nguyên xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ.

+ Ngày 11/06/2024 bị **Công an T10**, tỉnh Thái Nguyên xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ.

+ Ngày 19/12/2025 Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh T10** khởi tố bị can về tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại Khoản 2, Điều 318 Bộ luật hình sự.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – **Công an tỉnh T10** trong một vụ án khác.

4. Họ tên: **Đinh Minh Đ**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 01 tháng 6 năm 2008, tại: Thái Nguyên (Tại thời điểm phạm tội được 16 tuổi 9 tháng 16 ngày); Nơi cư trú: **Xóm K, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: **Đinh Đại N** (đã chết); Con bà: **Hoàng Thị V**, sinh năm 1974; Gia đình có 02 anh, em, bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: Chưa có.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: 01. Ngày 24/06/2022, **UBND xã P, TP T** ra Quyết định số 314/QĐ-XPTT về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã về hành vi “Cướp giật tài sản” (Chấp hành xong ngày 08/11/2022).

Bị can không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương.

5. Họ tên: **Nông Quân C**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 09 tháng 9 năm 2007, tại: Thái Nguyên (Tại thời điểm phạm tội được 17 tuổi 6 tháng 8 ngày); Nơi cư trú: **Xóm C, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Học sinh; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: **Nông Thanh K**, sinh năm 1984; Con bà: **Hoàng Thị L1**, sinh năm 1989; Gia đình có 03 anh, em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ, con: Chưa có.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương.

6. Họ tên: **Dương Thế Đ1**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 14 tháng 11 năm 2007, tại: Thái Nguyên (Tại thời điểm phạm tội được 17 tuổi 4 tháng 3 ngày); Nơi cư trú: **Xóm C (nay là xóm C), xã Đ, tỉnh Thái Nguyên**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: **Dương Văn T2**, sinh năm 1972; Con bà: **Dương Thị N1**, sinh năm 1974; Gia đình có 02 anh, em, bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: Chưa có.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: 01. Tại bản án số 02/2026/HS-ST ngày 09/01/2026 của TAND khu vực 1 – Thái Nguyên xử 20 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2025.

Hiện bị cáo đang chấp hành án tại **Trại giam P4, Cục C7, Bộ C8** theo Bản án số 02/2026/HS-ST ngày 09/01/2026.

7. Họ tên: **Dương Phương M**; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 05 tháng 10 năm 2007, tại: Hưng Yên (Tại thời điểm phạm tội được 17 tuổi 5 tháng 13 ngày); Nơi cư trú: **Xóm Đ, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Sinh viên; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: **Dương Thanh T3**, sinh năm 1980; Con bà: **Quan Thị H2**, sinh năm 1986; Gia đình có 03 chị, em, bị cáo là con thứ hai; Chồng, con: Chưa có.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương.

8. Họ tên: **Đỗ Quang T4**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 02 tháng 12 năm 2007, tại: Thái Nguyên (Tại thời điểm phạm tội được 17 tuổi 3 tháng 15 ngày); Nơi cư trú: **Xóm N (nay là xóm C), xã Đ, tỉnh Thái Nguyên**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: **Đỗ Văn N2**, sinh năm 1984; Con bà: **Hoàng Thị H3**, sinh năm 1989; Gia đình có 02 anh, em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ, con: Chưa có.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương.

9. Họ tên: **Đỗ Duy Đ2**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 14 tháng 10 năm 2007, tại: Thái Nguyên (Tại thời điểm phạm tội được 17 tuổi 5 tháng 3 ngày); Nơi cư trú: **Xóm N (nay là xóm C), xã Đ, tỉnh Thái Nguyên**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền,

đoàn thể): Không; Con ông: **Đỗ Duy Đ3**, sinh năm 1981; Con bà: **Trịnh Thị L2**, sinh năm 1988; Gia đình có 03 anh, em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ, con: Chưa có.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương.

10. Họ tên: **La Quang Đ4**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 30 tháng 3 năm 2007, tại: Thái Nguyên (thời điểm phạm tội được 17 tuổi 11 tháng 17 ngày); Nơi cư trú: **Xóm C (nay là xóm K), xã Đ, tỉnh Thái Nguyên**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: **La Văn L3**, sinh năm 1982; Con bà: **Đoàn Thị Á**, sinh năm 1984; Gia đình có 02 anh, em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ, con: Chưa có.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Bị hại: Anh **Trần Ngọc Q**, sinh năm 2007 (có mặt)

Nơi cư trú: **Xóm X, xã T, tỉnh Thái Nguyên**.

Người bào chữa cho bị cáo:

- Người bào chữa cho bị cáo **Tuấn A**: Ông **Vũ Văn C1** – Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T**. (vắng mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo **Đ2**: Bà **Nguyễn Thị Á1** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T**. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo **T4**: Bà **Mạc Thị H4** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T**. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo **M**: Ông **Vũ Văn S** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T**. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo **Đ2**: Ông **Vũ Văn C1** – Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T**. (vắng mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo **C**: Ông **Nguyễn Hồng P** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T**. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo **Đ**: Bà **Hoàng Thị B** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T**. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo **G**: Bà **Hoàng Thị B** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T**. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo **L**: Bà **Vi Khánh P1** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T**. Luật sư **Lê Quang N3**, **Đặng Hùng C2** – Văn phòng **L4**, Đoàn Luật sư tỉnh **T** (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Hoàng Thị H3**, sinh năm 1989; Nơi cư trú: **Xóm C, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên** (có mặt)
- Ông **La Văn L3**, sinh năm 1982; Nơi cư trú: **Xóm K năm, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên**. (có mặt)
- Ông **Đình Minh P2**, sinh năm 2001; Nơi cư trú: **Xóm K, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên**. (Vắng mặt)
- Bà **Hoàng Thị C3**, sinh năm 2005; Nơi cư trú: **Xóm H, xã T, tỉnh Thái Nguyên**. (có mặt)
- Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1973; Nơi cư trú: **Xóm T, xã T, tỉnh Thái Nguyên**. (có mặt)
- Bà **Luân Thị H5**, sinh năm 1975; Nơi cư trú: **Xóm C, xã T, tỉnh Thái Nguyên**. (vắng mặt)

- **Dương Trung H6**, Sinh ngày 23 tháng 8 năm 2008 (có mặt)

Nơi cư trú: **Xóm C, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên**

Người làm chứng:

- Anh **Hoàng Quốc T5**, sinh năm 2007

Nơi cư trú: **Xóm B, xã T, tỉnh Thái Nguyên**.

- Anh **Trương Minh V1**, sinh năm 2006

Nơi cư trú: **Xóm B, xã T, tỉnh Thái Nguyên**.

- Anh **Nguyễn Quốc V2**, sinh năm 2007

Nơi cư trú: **Xóm T, xã T, tỉnh Thái Nguyên**.

- Anh **Lưu Minh T6**, sinh năm 2009

Nơi cư trú: **Xóm C, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên**

- Anh **Hoàng Minh Đ5**, sinh năm 2010

Nơi cư trú: **Xóm C, xã T, tỉnh Thái Nguyên**

- Chị **Nguyễn Bảo N4**, sinh năm 2009

Nơi cư trú: **Xóm C, xã T, tỉnh Thái Nguyên**

- Anh **Phạm Quốc H7**, sinh năm 2009

Nơi cư trú: **Xóm G, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên**.

- Anh **Nguyễn Quang T7**, sinh năm 2009

Nơi cư trú: **Xóm P, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên**.

- Anh **Dương Anh S1**, sinh năm 2011

Nơi cư trú: **Xóm P, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên**.

- Anh **Nguyễn Minh C4**, sinh năm 2009

Nơi cư trú: **Xóm T, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên**.

- Anh **Trần Huy K1**, sinh năm 2009

Nơi cư trú: **Xóm C, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên**.

(Những người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 17/3/2025 tại khu vực ngã tư xã T cũ (nay là xã T, tỉnh Thái Nguyên), Nguyễn Tuấn A rủ Vũ Trọng L, Hoàng Minh Đ5, sinh ngày 26/8/2010, trú tại xóm C, xã T, tỉnh Thái Nguyên; Dương Anh S1, sinh ngày 29/5/2011 và Nguyễn Quang T7, sinh ngày 23/11/2009 cùng trú tại xóm P, xã T, tỉnh Thái Nguyên đi đánh nhóm thanh niên ở xã B, TP S cũ (do tối ngày 16/3/2025 Tuấn A đi chơi đến khu vực ngã ba D thì bị nhóm đối tượng lạ mặt, nghi ở xã B, TP S cũ đập chai bia về phía Tuấn A nhưng không trúng). Trước khi đi, L tháo biển số xe mô tô của Tuấn A và L. Sáng chuẩn bị 02 (hai) dao tự chế bằng kim loại đưa cho Tuấn A để làm hung khí. Tuấn A cầm 01 dao có chiều dài 47,5m loại dao một lưỡi sắc, còn đưa cho T7 01 dao có chiều dài 46 cm, dao một lưỡi sắc. Sau đó, Dương A1 Sáng ra về.

Vũ Trọng L điều khiển xe mô tô BKS: 20B2-59620 (tháo BKS, đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn T, là bố đẻ của Tuấn A) chở theo Nguyễn Tuấn A ngồi phía sau; Hoàng Minh Đ5 điều khiển xe mô tô BKS: 20B1-344.73 (tháo BKS, đăng ký xe mang tên Luân Thị H5 là mẹ đẻ của Hoàng Minh Đ5) chở theo Nguyễn Quang T7 ngồi phía sau đi đến cổng vào khu vực Công trình đầu mối Hồ Núi C5 thuộc xóm Đ, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên. Tại đây, nhóm Tuấn A gặp Nông Quân C; Dương Thế Đ1; Dương Trung H6; Đỗ Quang T4; Đỗ Duy Đ2; ; Hoàng Trường G; La Quang Đ4; Đinh Minh Đ, Dương Phương M, Nguyễn Minh C4 (sinh ngày 16/7/2009 trú tại xóm T, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên); Trần Huy K1, sinh ngày 18/5/2009; Lưu Minh T6, sinh ngày 15/8/2009 cùng trú tại xóm C, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên và Phạm Quốc H7, sinh ngày 18/5/2009 trú tại xóm G, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Tại đây, Tuấn A nói cho mọi người biết việc tối hôm trước Tuấn A đi chơi bị một nhóm ném đá nghi là thanh niên ở xã B, Sông C cũ và rủ mọi người cùng đi tìm đánh nhóm thanh niên này. Tất cả đều đồng ý tham gia. Sau đó nhóm của Tuấn A đi trên 09 (chín) xe mô tô, cụ thể: Vũ Trọng L điều khiển xe mô tô Honda Wave: BKS: 20B2-596.20 (tháo BKS) chở Nguyễn Tuấn A (Tuấn A cầm 01 dao có chiều dài 47,5cm loại dao một lưỡi sắc); Hoàng Minh Đ5 điều khiển xe mô tô BKS: 20B1-344.73 (tháo BKS) chở Nguyễn Quang T7 ngồi phía sau (T7 cầm 01 dao có chiều dài 46 cm, dao một lưỡi sắc); La Quang Đ4 điều khiển xe mô tô kiểu xe Honda Wave BKS: 20B1-678.34 chở Phạm Quốc H7 (H7 cầm theo 01 đao bằng kim loại có chiều dài 87,50cm); Lưu Minh T6 điều khiển xe mô tô Honda Wave BKS: 20AA-228.81 chở Trần Huy K1; Dương Thế Đ1 điều khiển xe mô tô Honda Wave BKS 36B7-137.72 chở Dương Phương M; N C4 điều khiển xe mô tô Honda Wave BKS: 20B2-234.18 chở Hoàng Trường G; Đinh Minh Đ điều khiển xe mô tô Honda Wave BKS: 20B2-301.71 chở Dương Trung H6; Đỗ Quang T4 điều khiển xe mô tô Honda Wave BKS: 20B1-727.95 chở Đỗ Duy Đ2; Nguyễn Minh C4 điều khiển xe mô tô BKS: 20AA-070.92 đi một mình.

Cả nhóm điều khiển xe mô tô đi theo đường T (ĐT267) đến xã T, TP T cũ rồi tiếp tục đi theo đường T (ĐT262) hướng về cầu B, TP S cũ. Trên đường đi Hoàng Minh Đ5 điều khiển xe mô tô chở theo Nguyễn Quang T7 ngồi phía sau không tham gia đi theo đoàn mà đến nhà Nguyễn Bảo N4, sinh ngày 14/7/2009 trú tại xóm C, xã T, tỉnh Thái Nguyên để đón N4 rủ đi xem đánh nhau nên khi rủ được N4 ra đến ngã tư T thì dừng lại không tiếp tục đi.

Khoảng 21 giờ 20 phút cùng ngày, nhóm của Tuấn A đi đến ngã ba thuộc xóm T, xã B, TP S cũ thì gặp nhóm người đang đứng chơi ở cổng trường THCS B1 gồm: Trần Ngọc Q, SN: 2007, trú tại xóm X, xã T, tỉnh Thái Nguyên; Hoàng Quốc T5, SN: 2007 trú tại xóm B, xã T, tỉnh Thái Nguyên; Nguyễn Quốc V2, SN: 2007 trú tại xóm T, xã T, tỉnh Thái Nguyên; Trương Minh V1, SN: 2006 trú tại xóm B, xã T, tỉnh Thái Nguyên. Tuấn A nghĩ chính là nhóm đã đập chai bia vào mình hôm trước nên hô to “Đây rồi, đây rồi”. L điều khiển xe chở Tuấn A cùng cả nhóm đồng loạt rẽ vào đường phía cổng trường THCS B1, hò hét, bóp còi, rú ga để đuổi đánh nhóm của anh Q. Thấy thế Hoàng Quốc T5 điều khiển xe mô tô BKS: 20AL-017.58 chở theo Trương Minh V1, Nguyễn Quốc V2 điều khiển xe mô tô BKS: 20C1-130.83 bỏ chạy, còn anh Q để lại xe mô tô Honda Wave BKS: 20L1-005.34 màu sơn đen bạc rồi trèo qua cổng trường THCS B1 bỏ chạy. Nhóm của Tuấn A đuổi theo 02 xe mô tô của T5 và V2 khoảng 200 mét không kịp nên quay lại cổng trường THCS B1 thì không thấy có ai, chỉ còn xe mô tô BKS: 20L1-005.34 của anh Q dựng trước cổng. Lúc này, La Quang Đ4 điều khiển xe mô tô chở theo Phạm Quốc H7 đã điều khiển xe lách vào phía trong bên trái xe mô tô BKS: 20L1-005.34, H7 ngồi sau cầm 01 dao bằng kim loại có chiều dài 87,50cm chém một phát hướng từ trên xuống dưới vào phần đuôi xe mô tô này nhưng chưa làm BKS: 20L1-005.34 rơi khỏi xe rồi bỏ đi. Lúc sau, L điều khiển xe mô tô chở theo Nguyễn Tuấn A đi đến gần xe mô tô BKS: 20L1-005.34 của anh Q, Tuấn A nhảy xuống xe cầm 01 dao bằng kim loại có chiều dài 47,5cm trên tay phải chém một phát vào phần nhựa chắn bùn phía sau khiến phần nhựa đuôi xe gắn BKS: 20L1-005.34 rơi khỏi xe. Tuấn A dùng tay lấy phần nhựa đuôi xe gắn BKS: 20L1-005.34 cầm lên rồi ngồi phía sau xe mô tô do L điều khiển và tiếp tục di chuyển đi về. L đuổi theo nhóm đi phía trước để cùng ra về. Khi đi qua cầu B khoảng 400 mét thì Tuấn A giơ phần nhựa đuôi xe có gắn BKS: 20L1-005.34 lên và nói “Biển này” cho mọi người xem và nói ai cầm BKS đi, nhưng không ai cầm nên Đ4 có cầm BKS từ Tuấn A và để vào giá để hàng ở giữa xe mô tô. Cả nhóm điều khiển xe mô tô đi theo đường cũ. Khi đi đến ngã tư T thì gặp Hoàng Minh Đ5 điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Quang T7 và Nguyễn Bảo N4. Cả nhóm tiếp tục di chuyển về bờ đập Hồ N, Hồ Núi C5 (nơi tập trung ban đầu) ngồi chơi một lúc rồi tất cả ra về. Đ4 mang BKS 20L1-005.34 về nhà. Cho đến sáng hôm sau ngày 18/3/2025, Đ4 đưa lại BKS trên cho Nông Quân C4 để C4 đưa cho Lưu Minh T6 mang đến chân cột điện ở Hồ N và quay video gửi qua ứng dụng Messenger đến Facebook “Trương Minh V3” để tự đền lấy.

Tại Bản Kết luận định giá số 3011 ngày 30/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản tỉnh Thái Nguyên kết luận: Giá 01 rơ chắn bùn phía sau của xe mô tô nhãn

hiệu Honda Wave α , màu sơn đen bạc, BKS: 20L1-005.34, đã cũ, đã qua sử dụng (thời điểm định giá tháng 3/2025, đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) là 250.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 06/5/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự **xã T, tỉnh Thái Nguyên** kết luận biển số xe mô tô 20L – 005.34 và khung bọc biển kiểm soát có giá trị 90.454đ (Chín mươi nghìn bốn trăm bốn mươi đồng)

Tại Kết luận giám định số 631 ngày 13/11/2025 của **Phòng K2, Công an tỉnh T10** kết luận: 02 vật trong niêm phong ký hiệu “TH”, “T.Anh” gửi giám định là dao sắc thuộc Danh mục dao có tính sát thương cao ban hành kèm theo Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng BCA; 01 (một) vật trong niêm phong ký hiệu “T1” gửi giám định là dao, thuộc Danh mục vũ khí thô sơ ban hành kèm theo Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng BCA

Sau khi sự việc xảy ra, **Trần Ngọc Q** có đơn trình báo **Công an xã T** (trước là **Công an thành phố S**). Quá trình tiếp nhận nguồn tin, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T10** đã làm việc với chính quyền địa phương nơi xảy ra vụ việc và lấy lời khai của những người làm chứng, xác định: Các đối tượng có hành vi điều khiển xe mô tô không đội mũ bảo hiểm, không có gương chiếu hậu, đi với tốc độ cao, lạng lách, đánh võng, bấm còi, la hét, cầm theo hung khí gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, gây hoang mang lo sợ cho người dân sinh sống xung quanh, ảnh hưởng đến các phương tiện lưu thông trên đường

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của **Nguyễn Tuấn A, Dương Thế Đ1, Đỗ Duy Đ2, Đỗ Quang T4, Nông Quân C, La Quang Đ4, Dương Phương M, Đinh Minh Đ, Dương Trung H6, Hoàng Trường G** và **Vũ Trọng L** phù hợp với nhau và phù hợp với biên bản sự việc, dữ liệu trích xuất từ camera thu được tại hiện trường, vật chứng thu giữ, lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án

Vật chứng của vụ án gồm:

- 03 (Ba) bì niêm phong ký hiệu A1, A3 và C chứa 03 đĩa DVD lưu trữ các đoạn video trích xuất từ camera an ninh ghi lại nội dung sự việc, hiện lưu trong hồ sơ vụ án;

- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda wave, BKS: 20B2-596.20 do **Nguyễn Tuấn A** sử dụng, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh **Nguyễn Văn T** (sinh năm: 1973, trú tại **xóm C, xã T, tỉnh Thái Nguyên**, là bố đẻ của bị can **Nguyễn Tuấn A**) tiếp tục quản lý sử dụng;

- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE A, không có dè chắn bùn phía sau, không có BKS, số khung: RLHJA3923NY172958, số máy: JA39E2669875, đăng ký xe mô tô BKS: 20L1-005.34 mang tên **Trần Ngọc Q** và 01 BKS xe mô tô 20L1-005.34 (niêm phong ký hiệu T2). Cơ quan điều tra đã trả

lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh **Trần Ngọc Q**, SN: 2007, **xóm X, xã T, tỉnh Thái Nguyên** là người bị hại trong vụ án tiếp tục quản lý sử dụng;

- 01 (Một) xe mô tô BKS: 20B1-727.95 nhãn hiệu Honda wave, màu sơn: đen-đỏ, BKS: 20B1-727.95 do **Đỗ Quang T4** sử dụng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị **Hoàng Thị H3**, SN: 1989 trú tại **xóm N, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên** (mẹ đẻ của bị can **Đỗ Quang T4**) tiếp tục quản lý sử dụng;

- 01 (Một) xe mô tô BKS: 20B1-678.34 nhãn hiệu Honda wave, màu sơn: xám đen, BKS: 20B1-678.34 do **La Quang Đ4** sử dụng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh **La Văn L3**, SN: 1982, trú tại **xóm C, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên** (bố đẻ của bị can **La Quang Đ4**) tiếp tục quản lý sử dụng;

- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda wave, màu sơn: đen - bạc; BKS: 20B2-301.71 do **Đinh Minh Đ** sử dụng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là của anh **Đinh Văn P3**, SN: 2001, trú tại **xóm K, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên** (anh trai ruột của bị can **Đinh Minh Đ**) tiếp tục quản lý sử dụng;

- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda wave, màu sơn: đen - bạc; BKS: 20B2-234.18 do **Hoàng Trường G** sử dụng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị **Hoàng Thị C3**, SN: 2005, trú tại **xóm H, xã T, tỉnh Thái Nguyên** (Chị gái của bị cáo **Hoàng Trường G**) tiếp tục quản lý sử dụng;

- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda wave, màu sơn: vàng-đen, BKS: 20B1-344.73 do **Hoàng Minh Đ5** sử dụng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị **Luân Thị H5**, SN: 1975, trú tại **xóm C, xã T, tỉnh Thái Nguyên** (mẹ đẻ của **Hoàng Minh Đ5**) tiếp tục quản lý sử dụng;

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS, màu vàng số IMEI: 357209098024041 do **Nguyễn Quốc V2** sử dụng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là **Nguyễn Quốc V2**, SN: 2007 trú tại **xóm T, xã T tỉnh Thái Nguyên** (**V2** là người làm chứng) tiếp tục quản lý sử dụng.

- 01 (Một) dao bằng kim loại có chiều dài 47,5 cm loại dao một lưỡi sắc do **Nguyễn Tuấn A** sử dụng, được niêm phong ký hiệu A3.

- 01 (Một) dao bằng kim loại có chiều dài 87,5 cm do **Lưu Minh T6** giao nộp, được niêm phong ký hiệu A2

- 01 (Một) dao bằng kim loại có chiều dài 46 cm do **Nguyễn Quang T7** giao nộp, được niêm phong ký hiệu A1.

Hiện các vật chứng đang được bảo quản tại Kho vật chứng của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Thái Nguyên.

Về trách nhiệm dân sự: Anh **Trần Ngọc Q** là chủ sở hữu của chiếc xe mô tô Honda Wave, BKS: 20L1-005.34 mà các bị cáo đã thực hiện chiếm đoạt phần biển số xe đã nhận lại tài sản.

- Bị cáo **Nguyễn Tuấn A**, **Vũ Trọng L** mỗi người đã tự nguyện bồi thường cho anh **Q** số tiền 1.000.000 đồng và các bị can còn lại bao gồm: **Đinh Minh Đ**, **Dương Thế Đ1**, **Hoàng Trường G**, **La Quang Đ4**, **Đỗ Duy Đ2**, **Đỗ Quang T4**, **Dương Phương M**, **Dương Trung H6**, **N C** mỗi người đã tự nguyện bồi thường cho anh **Q** số tiền 500.000 đồng.

- Ngoài ra, các cháu **Phạm Quốc H7**, **Lưu Minh T6**, **Trần Huy K1**, **Nguyễn Minh C4** mỗi người đều tự nguyện bồi thường cho anh **Q** số tiền 500.000 đồng

Tại Cáo trạng số 169/VKS-CT ngày 10/6/2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- tỉnh Thái Nguyên đã truy tố **Nguyễn Tuấn A** và **Vũ Trọng L** có lý lịch và hành vi nêu trên về tội “*Cướp tài sản*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự; bị can **Nguyễn Tuấn A**, **Dương Thế Đ1**, **Đỗ Duy Đ2**, **Đỗ Quang T4**, **Nông Quân C**, **La Quang Đ4**, **Dương Phương M**, **Đinh Minh Đ**, **Dương Trung H6**, **Hoàng Trường G** có lý lịch và hành vi nêu trên về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 –Thái Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX:

+ **Nguyễn Tuấn A** và **Vũ Trọng L** phạm tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự;

+ **Nguyễn Tuấn A**, **Dương Thế Đ1**, **Đỗ Duy Đ2**, **Đỗ Quang T4**, **Nông Quân C**, **La Quang Đ4**, **Dương Phương M**, **Đinh Minh Đ**, **Hoàng Trường G** phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

- Hình phạt chính, hình phạt bổ sung, các biện pháp tư pháp:

1. Bị cáo **Nguyễn Tuấn A**:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 17; Điều 38; điểm b, s, khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự và Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên xử phạt bị cáo **Nguyễn Tuấn A** từ 36 tháng đến 42 tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự và Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên, xử phạt bị cáo **Nguyễn Tuấn A** 24 tháng đến 30 tháng tù.

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự về Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội: tổng hợp hình phạt cả 2 tội đối với **Nguyễn Tuấn A** từ 5 năm đến 6 năm tù.

2. Bị cáo **Vũ Trọng L**: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 17; Điều 65; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự và Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên xử phạt bị cáo **Vũ Trọng L** 30 - 36 tháng nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

3. Các bị cáo **Đỗ Duy Đ2**, **Đỗ Quang T4**, **Nông Quân C**, **La Quang Đ4**, **Dương Phương M**: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, 65 Bộ luật hình sự và Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên, xử phạt các bị cáo từ 22 tháng đến 25 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách.

4. Bị cáo **Hoàng Trường G**: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự và Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên, xử phạt bị cáo 2 năm 1 tháng đến 2 năm 5 tháng.

5. Bị cáo **Đinh Minh Đ** và **Dương Thế Đ1**: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự và Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên, xử phạt bị cáo 2 năm 1 tháng đến 2 năm 5 tháng

b) Xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS, đề nghị

- 03 (Ba) bì niêm phong ký hiệu A1, A3 và C chứa 03 đĩa DVD lưu trữ các đoạn video trích xuất từ camera an ninh ghi lại nội dung sự việc tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) dao bằng kim loại có chiều dài 47,5 cm loại dao một lưỡi sắc do **Nguyễn Tuấn A** sử dụng, được niêm phong ký hiệu A3; 01 (Một) dao bằng kim loại có chiều dài 87,5 cm do **Lưu Minh T6** giao nộp, được niêm phong ký hiệu A2; 01 (Một) dao bằng kim loại có chiều dài 46 cm do **Nguyễn Quang T7** giao nộp, được niêm phong ký hiệu A1.

c) Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết nên không đề nghị xem xét.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người đúng tội, không oan.

*Người bào chữa cho bị cáo **Tuấn A** và **Dương Thế Đ1***: Tại phiên tòa người bào chữa vắng mặt và đã gửi bản luận cứ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm trở thành công dân có ích cho xã hội.

*Người bào chữa cho bị cáo **L***: Đề nghị xét xử các bị cáo mức án thấp nhất.

*Người bào chữa cho bị cáo **Đỗ Duy Đ2***: nhất trí Viện kiểm sát truy tố bị cáo hành vi phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”. Đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo **Đ2** 21 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

*Người bào chữa cho bị cáo **T4**, **Đ4***: nhất trí Viện kiểm sát truy tố bị cáo hành vi phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”. Đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo **Đ4** 22 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

*Người bào chữa cho bị cáo **M***: nhất trí Viện kiểm sát truy tố bị cáo hành vi phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”. Đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo **M** 12-15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

*Người bào chữa cho bị cáo **C***: Nhất trí hành vi phạm tội của các bị cáo phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” như cáo trạng và lời luận tội Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa. Đề nghị xét xử bị cáo 22 tháng tù cho hưởng án treo.

*Người bào chữa cho bị cáo **Đ**, **G***: Đề nghị xét xử các bị cáo mức 12-15 tháng tù.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo.

Các Bị cáo nói lời sau cùng ăn năn hối hận vì hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử cho được hưởng mức án thấp nhất để được tiếp tục học tập và rèn luyện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án từ khi khởi tố vụ án, điều tra, truy tố: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, Cơ quan điều tra Công an tỉnh T10, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thái Nguyên; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét về tính chất, hành vi của các bị cáo thấy rằng:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với đơn trình báo, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, biên bản đọc video clip, lời khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng kết luận định giá và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định:

Hồi 19 giờ 30 phút ngày 17/03/2025, tại địa bàn xã T, tỉnh Thái Nguyên, Nguyễn Tuấn A đã khởi xướng rủ các đối tượng gồm: Vũ Trọng L, Dương Thế Đ1, Đỗ Duy Đ2, Đỗ Quang T4, Nông Quân C, La Quang Đ4, Dương Phương M, Đinh Minh Đ, Dương Trung H6, Hoàng Trường G, Phạm Quốc H7, Nguyễn Minh C6, Trần Huy K1 và Lưu Minh T6 đi xe mô tô đến khu vực trung tâm xã B là khu vực đông dân cư, gần Ủy ban nhân dân, trường học, cầm theo hung khí, bóp còi, ru ga xe, cùng nhau hò hét cổ vũ tinh thần cho nhau, gây náo loạn khu vực, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự. Khi đến cổng trường THCS B1, nhóm của Tuấn A gặp nhóm của anh Trần Ngọc Q đang đứng chơi ở cổng trường, Tuấn A cùng cả nhóm đồng loạt rẽ vào đường phía cổng trường đồng thời tiếp tục hò hét, bóp còi, rú ga để đuổi đánh nhóm của anh Q. La Quang Đ4 chở theo Phạm Quốc H7 ngồi phía sau đi đến, Đ4 điều khiển xe lách vào phía trong bên trái xe mô tô BKS: 20L1-005.34 do nhóm của anh Q bỏ lại, H7 cầm 01 kiếm tự chế bằng tay phải chém một nhát hướng từ trên xuống dưới vào phần BKS xe này nhưng chưa làm BKS: 20L1-005.34 rơi khỏi xe. Ngay sau đó, Vũ Trọng L chở theo Nguyễn Tuấn A ngồi phía sau đi đến, Tuấn A nhảy xuống xe cầm 01 dao bằng tay phải chém một nhát hướng từ phải qua trái, từ trên xuống dưới vào phần nhựa chắn bùn phía sau khiến BKS: 20L1-005.34 rơi khỏi xe. Tuấn A dùng tay trái nhặt BKS: 20L1-005.34 rồi lên ngồi phía sau xe mô tô do L điều khiển và chiếm đoạt chiếc BKS này của anh Q, sau đó Tuấn A đưa cho Đ4 đem theo phần nhựa chắn bùn phía sau gắn BKS 20L1-005.34 lấy từ xe của Trần Ngọc Q mang về.

Hành vi trên của các đối tượng là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trong nhân dân, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ.

Trong đó bị cáo **Nguyễn Tuấn A** là người trực tiếp cầm dao chém vào phần chắn bùn phía sau xe mô tô biển kiểm soát 20L1-005.34 của anh **Trần Ngọc Q** làm phần nhựa gắn biển số xe rơi khỏi xe, sau đó dùng tay lấy phần nhựa gắn biển số và mang đi. Bị cáo **Vũ Trọng L** là người điều khiển xe mô tô chở **Tuấn A** đến vị trí thực hiện hành vi, biết rõ mục đích chiếm đoạt tài sản nhưng vẫn tích cực giúp sức, sau khi **Tuấn A** chiếm đoạt được tài sản tiếp tục điều khiển xe chở **Tuấn A** rời khỏi hiện trường. Hành vi của hai bị cáo đã dùng vũ khí nguy hiểm để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của người khác, đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Đối với các bị cáo **Nguyễn Tuấn A**, **Dương Thế Đ1**, **Đỗ Duy Đ2**, **Đỗ Quang T4**, **Nông Quân C**, **La Quang Đ4**, **Dương Phương M**, **Đinh Minh Đ**, **Dương Trung H6** và **Hoàng Trường G**, hành vi cùng nhau tập trung thành đoàn đông người, sử dụng xe mô tô, mang theo hung khí, điều khiển xe với tốc độ cao, bóp còi, rú ga, hò hét, đuổi đánh người khác tại khu vực đông dân cư đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đủ yếu tố cấu thành tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo đều thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo **Nguyễn Tuấn A** là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác tham gia và trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản; các bị cáo còn lại đều là người thực hành, cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội theo sự thống nhất về ý chí. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo.

Tuy nhiên, **Dương Trung H6** là người chưa thành niên, chưa có tiền án, tiền sự. Đối chiếu với quy định của Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, người bào chữa và người làm công tác xã hội để áp dụng thủ tục xử lý chuyển hướng đối với bị cáo **H6** để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp với người chưa thành niên đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[3] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo **Tuấn A**, **L**, **C**, **M**, **T4**, **Đỗ Duy Đ2**, **Đ4** có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo **Hoàng Trường G** và **Dương Thế Đ1** có nhân thân xấu, bị cáo **Đ** có nhân thân không tốt. Trong đó, bị cáo **Hoàng Trường G** đã hai lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản và đã bị xét xử trong một vụ án khác; bị cáo **Đinh Minh Đ** đã từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã; bị cáo **Dương Thế Đ1** đã bị kết án 20 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng và đang chấp hành án. Đây là những căn cứ để Hội đồng xét xử đánh giá đầy đủ về nhân thân của từng bị cáo khi quyết định hình phạt

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội thành khẩn khai báo" quy định tại điểm s khoản 1

Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo **Tuấn A** và **L** được hưởng thêm tình tiết “*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Người bị hại là anh **Q** cùng gia đình có đơn xin giảm nhẹ hình sự cho các bị cáo; Các bị cáo phạm tội gây rối đã liên đới với bị cáo **L** và **Tuấn A** cùng bồi thường cho bị hại;

Bị cáo **Đ4** có ông bà nội được Nhà nước trao tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì; bị cáo **L** có ông ngoại **Đinh Văn T8** là thương binh và được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất; bị cáo **M** có ông nội **Dương Xuân T9** được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến sĩ Giải phóng và Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì;

Bị cáo **M**, **Đỗ Duy Đ2**, **T4**, **C**, **Đ4** được Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã **Đ** chứng nhận đã ủng hộ quỹ vì người nghèo của xã; bị cáo **Đ2** và **T4** đã tham gia hiến máu tình nguyện;

Vì vậy, các bị cáo **Tuấn A**, **L**, **G**, **Dương Thế Đ1**, **M**, **Đỗ Duy Đ2**, **T4**, **C**, **Đ4**, **Đ** được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

[4]. Về hình phạt:

Đối với bị cáo **Nguyễn Tuấn A**, là người khởi xướng việc tụ tập các bị cáo khác, chuẩn bị hung khí, trực tiếp thực hiện hành vi dùng dao chém làm rơi biển số xe và chiếm đoạt tài sản của người bị hại; đồng thời là người tích cực nhất trong việc thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng. Bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án, phải chịu trách nhiệm hình sự về cả hai tội danh, nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo **Vũ Trọng L**, mặc dù chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Cướp tài sản với vai trò đồng phạm giúp sức. Tuy nhiên, khi phạm tội bị cáo 15 tuổi 7 tháng 6 ngày, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội nên cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định của Điều 124 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên.

Đối với các bị cáo **Hoàng Trường G**, **Đinh Minh Đ** và **Dương Thế Đ1**, mặc dù chỉ phạm tội Gây rối trật tự công cộng nhưng đều có nhân thân không tốt, bị cáo **Dương Thế Đ1** đã bị kết án về tội Gây rối trật tự công cộng bằng bản án có hiệu lực pháp luật, nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn; đối với bị cáo **Dương Thế Đ1** phải tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt của bản án trước theo quy định của pháp luật.

Đối với các bị cáo **Nông Quân C**, **Dương Phương M**, **Đỗ Quang T4**, **Đỗ Duy Đ2** và **La Quang Đ4** đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội khi chưa thành niên, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương. Vì vậy, không cần thiết phải buộc các bị cáo chấp hành hình

phạt tù mà cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung đồng thời nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật nhà nước ta và Hội đồng xét xử cần tuyên rõ hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử quán triệt nguyên tắc xử lý người chưa thành niên phạm tội là bảo đảm lợi ích tốt nhất của người chưa thành niên, đặt mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, đối với những bị cáo có vai trò chính, nhân thân không tốt hoặc không còn đủ điều kiện để áp dụng biện pháp khoan hồng thì cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc hơn nhằm bảo đảm tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5]. Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng là phù hợp, đối với mức hình phạt còn có phần nghiêm khắc.

[6]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- 03 (Ba) bì niêm phong ký hiệu A1, A3 và C chứa 03 đĩa DVD lưu trữ các đoạn video trích xuất từ camera an ninh ghi lại nội dung sự việc tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) dao bằng kim loại có chiều dài 47,5 cm loại dao một lưỡi sắc do **Nguyễn Tuấn A** sử dụng, được niêm phong ký hiệu A3; 01 (Một) dao bằng kim loại có chiều dài 87,5 cm do **Lưu Minh T6** giao nộp, được niêm phong ký hiệu A2; 01 (Một) dao bằng kim loại có chiều dài 46 cm do **Nguyễn Quang T7** giao nộp, được niêm phong ký hiệu A1.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết nên tại phiên toà bị hại không không đề nghị gì thêm. Về phần dân sự đã giải quyết xong.

[8]. Về án phí, quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho các bị cáo, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9]. Đối với hành vi của **Vũ Trọng L**, **Lưu Minh T6**, **Phạm Quốc H7**, **Nguyễn Minh C4**, **Trần Huy K1** có tham gia cùng nhóm các đối tượng trên gây rối trật tự công cộng ngày 17/03/2025, tuy nhiên thời điểm thực hiện hành vi, các đối tượng chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Đến nay đã hết thời hiệu xem xét xử lý vi phạm hành chính vì vậy Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Đối với **Hoàng Minh Đ5** và **Nguyễn Quang T7** quá trình đi cùng đoàn của **Tuấn A** đã tự ý tách đoàn, không tham gia vào quá trình gây rối nên không xem xét xử lý.

Đối với bà Hoàng Thị H3 (mẹ đẻ của Đỗ Quang T4), ông La Văn L3 (bố đẻ của La Quang Đ4), ông Đinh Minh P2 (anh trai ruột của Đinh Minh Đ), bà Hoàng Thị C3 (chị gái ruột của Hoàng Trường G), ông Nguyễn Văn T (bố đẻ của Nguyễn Tuấn A), bà Luân Thị H5 (mẹ đẻ của Hoàng Minh Đ5) là chủ sở hữu các xe mô tô các đối tượng đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội ngày 17/3/2025. Xét thấy các ông, bà trên đều không biết, không đồng ý cho các bị cáo dùng xe để thực hiện hành vi vi phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T10 không xem xét, xử lý.

Đối với 01 (Một) dao bằng kim loại có chiều dài 47,5m loại dao một lưỡi sắc; 01 (Một) dao bằng kim loại có chiều dài 87,50 cm và 01 (Một) dao kim loại chiều dài có chiều dài 46 cm là hung khí nguy hiểm các đối tượng sử dụng với mục đích gây rối trật tự công cộng và chiếm đoạt tài sản đã được xem xét xử lý về tội “Gây rối trật tự công cộng” với tình tiết định khung là “Dùng vũ khí, hung khí” và tội “Cướp tài sản” với tình tiết định khung là “Sử dụng vũ khí”. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T10 không xem xét, xử lý các đối tượng về hành vi Tàng trữ, sử dụng vũ khí quân dụng quy định tại Điều 304 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về căn cứ áp dụng pháp luật:

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38, 58, 90, 91, 98, 101 Bộ luật hình sự; Điều 119, 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên về tội “Cướp tài sản”; điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 119, 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên về tội “Gây rối trật tự công cộng” đối với Nguyễn Tuấn A;

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58, 65, 90, 91, 98, 101 Bộ luật hình sự; Điều 124, 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên đối với Vũ Trọng L;

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38, Điều 56, 58 Bộ luật hình sự; Điều 119, 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên đối với Dương Thế Đ1.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38, Điều 58 Bộ luật hình sự; Điều 119, 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên đối với Đinh Minh Đ và Hoàng Trường G.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58, 65, 90, 91, 98, 101 Bộ luật hình sự; Điều 124, 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên đối với Nông Quân C; Dương Phương M; Đỗ Quang T4, Đỗ Duy Đ2, La Quang Đ4.

2. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố:

- Bị cáo **Nguyễn Tuấn A** phạm tội “*Cướp tài sản*” và tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

- Bị cáo **Vũ Trọng L** phạm tội “*Cướp tài sản*”.

- Các bị cáo **Hoàng Trường G**, **Đinh Minh Đ**, **Dương Thế Đ1**, **Nông Quân C**, **Dương Phương M**, **Đỗ Quang T4**, **Đỗ Duy Đ2**, **La Quang Đ4** phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Xử phạt:

- Bị cáo **Nguyễn Tuấn A** 30 (ba mươi) tháng tù về tội “*cướp tài sản*” và 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”. Tổng hợp hình phạt, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 4 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Bị cáo **Vũ Trọng L** 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo **L** cho Ủy ban Nhân dân và **Công an xã T**, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 của Luật thi hành án hình sự.

- Bị cáo **Hoàng Trường G** 24 (hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/01/2026.

- Bị cáo **Dương Thế Đ1** 23 (hai mươi ba) tháng tù. Tổng hợp hình phạt đối với Bản án số 02/HSST ngày 9/01/2026 bị Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên tuyên xử 20 tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” quy định tại khoản 2 Điều 318 BLHS. Buộc bị cáo chịu hình phạt chung cả 02 Bản án là 43 (bốn mươi ba) tháng tù thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/3/2026 được trừ đi thời gian tạm giữ từ 11/6/2025 -18/9/2025.

- Bị cáo **Đinh Minh Đ** 22 (hai mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Bị cáo **Nông Quân C**, **Dương Phương M**, **Đỗ Quang T4**, **Đỗ Duy Đ2** và **La Quang Đ4** 21(hai mươi mốt) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo **Quân C**, **Dương Phương M**, **Đỗ Quang T4**, **Đỗ Duy Đ2** và **La Quang Đ4** cho Ủy ban Nhân dân và Công an xã Đ, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 của Luật thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ **02** lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

3. Về vật chứng: Căn cứ điều 47 Bộ luật hình sự ; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) dao bằng kim loại, dài 46cm, được niêm phong ký hiệu A1; 01 (Một) dao bằng kim loại có chiều dài 87,5cm được niêm phong ký hiệu A2; 01 (Một) dao bằng kim loại, được niêm phong ký hiệu A3.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 296 ngày 30/6/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an tỉnh T10 và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1-Thái Nguyên).

4. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Tuấn A, L, C; G, Dương Thế Đ1, Đ, M, T4, Đỗ Duy Đ2, La Quang Đ4 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người bào chữa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông P2, bà H5 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Thái Nguyên;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Thái Nguyên;
- Viện kiểm sát ND Khu vực 1-Thái Nguyên;
- Thi hành án DS Khu vực 1-Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Người có QL, nv liên quan;
- Người bào chữa;
- Hồ sơ vụ án; Lưu BP.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thanh Nhân

